TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-PT

Ngày 25/5/2022

V/v: *Tranh chấp đòi nợ phường*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết và bà Nguyễn Thị Hương Giang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25/5/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLPT-DS ngày 12/4/2022, về việc: "*Tranh chấp đòi nợ phường"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST ngày 25/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2022/QĐ-PT ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Giáp Văn Th, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Bà Dương Thị Th1, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: thôn Tr, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Hồng Th2, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Người kháng cáo: Bị đơn bà Dương Thị Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST ngày 25/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn - ông Giáp Văn Th, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Dương Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn - bà Hoàng Thị Hồng Th2 trình bày: Do có quen biết nhau, năm 2017, vợ chồng ông Q - bà Th1 rủ ông Th tham gia chơi phường (họ) do vợ chồng ông Q - bà Th1 làm trưởng phường. Vợ chồng ông Th đã đồng ý tham gia chơi 2

phường: Phường thứ nhất gồm 15 xuất phường, bắt đầu từ 21/3/2017, mỗi xuất đóng 5.000.000đ/tháng, ai lấy phường trước thì hàng tháng phải đóng thêm 1.000.000đ tiền lãi, vợ chồng ông Th tham gia 02 xuất nên hàng tháng nộp cho vợ chồng ông Q số tiền 10.000.000đ; phường thứ hai gồm 16 xuất phường, bắt đầu từ 24/4/2017, mỗi xuất đóng 10.000.000đ/tháng, ai lấy phường trước thì hàng tháng phải đóng thêm 2.000.000đ tiền lãi, vợ chồng ông Th tham gia 1 xuất, hàng tháng nộp cho vợ chồng ông Q số tiền 10.000.000đ. Cả hai phường, ông Th là người lấy sau. Tính đến 17/9/2017 (âm lịch), vợ chồng ông Th đã nộp cho vợ chồng ông Q-bà Th1 tổng số tiền 150.000.000 đồng, sau đó thì vợ chồng ông Q không nhận tiền của vợ chồng ông Th nữa với lý do không còn khả năng duy trì phường. Từ đó cho đến nay, mặc dù vợ chồng ông Th đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Q đều khất vì chưa có tiền để trả. Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q - bà Th1 phải trả cho vợ chồng ông số tiền phường gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi suất 9%/năm, tương đương với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định kể từ thời điểm nộp tiền sau cùng là ngày 17/9/2017 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Về lãi suất chậm thi hành án, ông Thao yêu cầu tính theo quy định của pháp luật. .

Bị đơn - ông Trần Văn Q – bà Dương Thị Th1 thừa nhận việc vợ chồng ông bà thành lập các dây phường do ông bà làm trưởng phường và có rủ mọi người, trong đó có vợ chồng ông Th tham gia cùng chơi. Theo nội quy phường thì trưởng phường có nghĩa vụ thu tiền của những người tham gia chơi và trả tiền cho người đến lượt lấy phường. Ông Q – bà Th1 thừa nhận năm 2017, ông Th có tham gia chơi 02 dây phường, tính đến 17/9/2017 (âm lịch), ông Th chưa lấy phường nào và đã đóng cho ông bà tổng cộng được 150.000.000 đồng. Đến ngày 21/10/2017, do gia đình làm ăn thua lỗ nên ông bà không nhận tiền nộp phường của ông Th nữa. Sau đó, ông Th có nhiều lần đòi số tiền phường đã đóng, nhưng do chưa có tiền nên ông Q và bà Th1 chưa trả được. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu ông Q và bà Th1 trả lại số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi, do điều kiện kinh tế khó khăn, ông Q và bà Th1 đồng ý trả ông Th số tiền 150.000.000 đồng, xin không phải trả lãi và được thanh toán trả dần.

Với nội dung vụ án nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã quyết định:

1. Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 275, 280, 288, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 15, 18, 22, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về "Họ, hụi, biêu, phường"; Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Giáp Văn Th, buộc vợ chồng ông Trần Văn Q – bà Dương Thị Th1 phải liên đới trả cho vợ chồng ông Giáp Văn Th – bà Hoàng Thị Hồng Th2 số tiền gốc phường là 150.000.000 đòng và tiền lãi suất là 58.125.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc phường và tiền lãi suất là 208.125.000 đồng (hai trăm linh tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/03/2022, bà Dương Thị Th1 kháng cáo bản án, với nội dung: bà không đồng ý trả tiền lãi cho ông Th, bà Th2, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa,

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Dương Thị Th1 đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, lý do là bà chỉ đồng ý trả nguyên đơn số tiền phường gốc 150.000.000 đồng không đồng ý trả tiền lãi cho ông Th, bà Th2 theo quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các bên đương sự cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng, đủ quy định của BLTTDS. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Th1, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Th1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Xét tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị đơn bà Dương Thị Th1 đã thực hiện việc kháng cáo theo đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nên HĐXX chấp nhận để xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa ông Trần Văn Q có đơn xin vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Th1 , HĐXX thấy: Vợ chồng ông Th, bà Th2 đã tham gia chơi 2 dây phường do vợ chồng ông Q, bà Th1 làm trưởng phường, cụ thể:

- Phường thứ nhất gồm 15 xuất phường, bắt đầu từ 21/3/2017, mỗi xuất đóng 5.000.000đ/tháng, ai lấy phường trước thì hàng tháng phải đóng thêm 1.000.000đ tiền lãi, vợ chồng ông Th tham gia 02 xuất nên hàng tháng nộp cho vợ chồng ông Q số tiền 10.000.000đ. Phường này vợ chồng ông Th đóng được 08 tháng với số tiền 80.000.000 đồng.

- Phường thứ hai gồm 16 xuất phường, bắt đầu từ 24/4/2017, mỗi xuất đóng 10.000.000đ/tháng, ai lấy phường trước thì hàng tháng phải đóng thêm 2.000.000đ tiền lãi, vợ chồng ông Th tham gia 1 xuất, hàng tháng nộp cho vợ chồng ông Q số tiền 10.000.000đ. Phường này vợ chồng ông Th đóng được 07 tháng với số tiền 70.000.000 đồng

Cả hai phường, ông Th là người lấy sau. Tính đến 17/9/2017 (âm lịch), vợ chồng ông Th đã nộp cho vợ chồng ông Q, bà Th1 tổng số tiền 150.000.000 đồng. Do không còn khả năng duy trì phường nên vợ chồng ông Q không nhận tiền của vợ chồng ông Th nữa và cũng chưa thanh toán trả tiền phường đã đóng cho vợ chồng ông Th. Như vậy vợ chồng ông Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của Trưởng phường, vi phạm thỏa thuận, nội quy, quy định của hội phường mà các bên đã ký kết. Ông Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà Th1 phải thanh toán trả 150.000.000 đồng tiền gốc nộp phường là có căn cứ.

Theo nội quy, quy định hội, phường mà hai bên ký kết thì các phường mà vợ chồng ông Q, bà Th1 làm Trưởng phường đều là phường có lãi, cụ thể là: Đối với phường đóng 5.000.000đ/xuất/tháng quy định ai lấy phường trước thì hàng tháng phải đóng thêm 1.000.000đ tiền lãi, còn đối với phường đóng 10.000.000đ/xuất/tháng quy định ai lấy phường trước thì hàng tháng phải đóng thêm 2.000.000đ tiền lãi. Do các phường này vợ chồng ông Q, bà Th1 không duy trì được hết vòng là do lỗi của ông Q, bà Th1 nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức 9%/năm, tương đương với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định kể từ thời điểm nộp tiền sau cùng là ngày 17/9/2017 âm lịch (tức 05/11/2017) đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Với nội dung như trên, án sơ thẩm xử: Buộc buộc vợ chồng ông Trần Văn Q – bà Dương Thị Th1 phải liên đới trả cho vợ chồng ông Giáp Văn Th – bà Hoàng Thị Hồng Th2 số tiền gốc phường là 150.000.000 đồng và tiền lãi suất là 58.125.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc phường và tiền lãi suất là 208.125.000 đồng (hai trăm linh tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 288, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, HĐXX xét thấy kháng cáo của bà Dương Thị Th1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa với lý do bà chỉ đồng ý trả nguyên đơn số tiền gốc 150.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi theo quyết định của bản án là không có cơ sở. HĐXX cần bác toàn bộ kháng cáo của bà Th1, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Dương Thị Th1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

2.Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Dương Thị Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0007892 ngày 09/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS, THADS huyện Hiệp Hòa;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hà Giang